

Số: /KH-UBND

Mậu Lâm, ngày tháng 01 năm 2023

**KẾ HOẠCH**  
**Phát triển chăn nuôi địa bàn xã Mậu Lâm năm 2023**

Thực hiện Kế hoạch số 09/KH-UBND ngày 10/01/2023 của UBND huyện về phát triển chăn nuôi trên địa bàn Như Thanh, năm 2023.

Để chủ động phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của xã và nhu cầu đa dạng của từng thị trường về phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn xã. UBND xã ban hành Kế hoạch về phát triển chăn nuôi trên địa bàn xã năm 2023, với nội dung cụ thể như sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU.**

**1. Mục đích.**

Khai thác, sử dụng nguồn lực và phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của xã và nhu cầu đa dạng của từng thị trường để phát triển chăn nuôi theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu; gắn với chuỗi giá trị, nâng cao giá trị gia tăng, ứng dụng công nghệ cao, bảo đảm an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường, tạo sinh kế, nâng cao thu nhập và góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của các xã, thị trấn trên địa bàn.

**2. Yêu cầu**

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền các cấp, nhất là cấp cơ sở trong việc chỉ đạo, triển khai thực hiện công tác phát triển chăn nuôi. Tập trung tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho người chăn nuôi về sản xuất chăn nuôi theo chuỗi giá trị hàng hóa. Khuyến khích xây dựng và nhân rộng các mô hình an toàn dịch bệnh, an toàn sinh học; mô hình liên kết chuỗi gắn với truy xuất nguồn gốc và tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi. Rà soát, đánh giá xây dựng kế hoạch di dời các cơ sở chăn nuôi thuộc diện phải di rời khỏi khu vực không được phép chăn nuôi theo quy định.

- Chuyển đổi phương thức chăn nuôi từ nhỏ lẻ sang chăn nuôi tập trung, trang trại hoặc liên kết các hộ thành nhóm hộ, tổ hợp tác, hợp tác xã để phát triển chăn nuôi ứng dụng khoa học, công nghệ, nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh của sản phẩm chăn nuôi.

**II. CHỈ TIÊU CỤ THỂ**

**1. Tổng giá trị sản xuất ngành chăn nuôi đến hết năm 2023 đạt 71,16 tỷ đồng (theo giá so sánh năm 2010), chiếm khoảng 52% giá trị trong nội bộ ngành nông nghiệp.**

**2. Tổng đàn chăn nuôi**

- Đàn trâu 600 con, trong đó: Đàn trâu chủ yếu được chăn nuôi nông hộ và tỷ lệ lai hóa đàn trâu đạt 6%.

- Đàn bò 650 con, trong đó: tỷ lệ lai hóa đàn bò đạt 98%.

- Đàn lợn 2.000 con, trong đó: Đàn lợn nái ngoại 100 con (chiếm 40% tổng đàn nái); đàn lợn thịt hương nạc đạt 1.500 con (chiếm 67% tổng đàn lợn thịt) và các nhóm lợn nuôi khác.

- Đàn gia cầm 20.000 con, chủ yếu chăn nuôi nông hộ.

- Tập trung phát triển mạnh các mô hình con nuôi đặc sản như: Lợn rừng lai, ốc, dê, dúi....

*(Chỉ tiêu giao kế hoạch về phát chăn nuôi có phụ lục gửi kèm theo).*

### **3. Sản phẩm chăn nuôi**

- Sản lượng thịt xẻ các loại vật nuôi chính đạt khoảng 187,5tấn; trong đó, thịt lợn 112,5tấn đạt 60%, thịt gia súc ăn cỏ 46,875 tấn đạt 25%, thịt gia cầm 28,125 tấn, đạt 15%.

- Sản lượng trứng, sữa: 1,5 triệu quả trứng.

## **III. NỘI DUNG KẾ HOẠCH**

### **1. Công tác tuyên truyền**

- Thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền để nâng cao nhận thức và tầm quan trọng của các cấp chính quyền, các ngành, các cơ quan, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư và mỗi người dân về định hướng chung của ngành chăn nuôi, các mục tiêu, quan điểm, vai trò và tầm quan trọng của phát triển chăn nuôi đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng; tiếp tục chú trọng nội dung tuyên truyền, tập huấn Luật Chăn nuôi, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật; Nghị quyết số 172/2021/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về quy định khu vực không được phép chăn nuôi và quyết định vùng nuôi chim yến trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Nghị quyết số 185/2021/NQ - HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022-2025; Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 03/01/2023 của UBND huyện về Ban hành danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực huyện Như Thanh.

- Quán triệt sâu sắc cho toàn thể cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ đảng viên trực tiếp làm việc, tiếp xúc với người chăn nuôi để tuyên truyền, hướng dẫn người chăn nuôi hiểu, đồng thuận tổ chức thực hiện, từng bước thay đổi nhận thức và các thói quen không phù hợp trong chăn nuôi, giết mổ, chế biến và tiêu dùng sản phẩm chăn nuôi.

- Đẩy mạnh chương trình khuyến nông chăn nuôi theo chuỗi khép kín, kinh tế tuần hoàn, bảo đảm người chăn nuôi có thể làm chủ được kỹ thuật để sản xuất sản phẩm chăn nuôi an toàn và hiệu quả, chuyển giao quy trình, công nghệ chăn nuôi.

### **2. Củng cố hoàn thiện, nâng cao năng lực quản lý nhà nước ngành chăn nuôi, thú y**

- Tiếp tục đào tạo nâng cao năng lực quản lý Nhà nước cho cán bộ chăn nuôi, thú y cấp xã. Đẩy mạnh hoạt động khoa học công nghệ gắn với hoạt động khuyến nông. Chú trọng đào tạo kỹ năng quản trị, kỹ thuật chăn nuôi, quản lý dịch bệnh và an toàn thực phẩm cho người chăn nuôi thông qua các chương trình dạy nghề, hoạt động khuyến nông.

- Đẩy mạnh xã hội hóa các dịch vụ công về chăn nuôi, thú y để mọi thành phần kinh tế có thể tham gia nhằm công khai, minh bạch các hoạt động quản lý và cung cấp cho người dân chất lượng dịch vụ tốt nhất.

- Thay đổi cách tiếp cận về phương thức quản lý sản xuất, quản lý chất lượng sản phẩm để người sản xuất, kinh doanh tự chủ động trong việc kiểm soát chất lượng, an toàn sản phẩm của mình trước khi đưa ra thị trường.

### **3. Nâng cao năng suất, chất lượng giống vật nuôi**

- Chọn tạo nâng cao năng suất, chất lượng, giống vật nuôi trong sản xuất phù hợp với điều kiện tại địa phương, từng phương thức chăn nuôi và phân khúc thị trường; hỗ trợ tích cực cho chương trình xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý, sản phẩm chăn nuôi sản xuất theo chuỗi và truy xuất được nguồn gốc. Áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ mới. Trong đó, cần chú trọng việc bảo tồn, khai thác đặc điểm sinh học quý của các giống bản địa.

- Tiếp tục cải tiến nâng cao tầm vóc đàn bò của xã, duy trì và phát triển mạng lưới thụ tinh nhân tạo và sử dụng một số giống bò có khả năng thích nghi với điều kiện sinh thái của xã để tạo đàn cái nền phục vụ cho lai tạo giống bò thịt chất lượng cao, cung cấp bê đực cho nuôi vỗ béo bò thịt (như giống bò lai: Bò Droughmaster, bò Brahman, bò 3B,...).

- Hàng năm xây dựng các đợt bình tuyển, chọn lọc đàn trâu trong sản xuất, tạo đàn cái nền và đực giống tốt cung cấp cho nhu cầu cải tiến, nâng cao chất lượng đàn giống, thực hiện tốt giải pháp đảo đực giống giữa các xã, các thôn nhằm tránh tình trạng cận huyết và phát huy ưu thế lai.

- Quản lý giống lợn, giống gia cầm theo mô hình hình tháp gắn với từng vùng sản xuất, từng thương hiệu sản phẩm. Hàng năm, tổ chức đánh giá, bình tuyển chất lượng đàn lợn giống phẩm cấp giống bố mẹ, đàn gia cầm giống nhằm loại thải giống kém chất lượng, không có lý lịch, nguồn gốc rõ ràng. Kiểm tra đánh giá chất lượng tinh lợn đực giống tham gia phối giống nhân tạo trên địa bàn.

- Nhân thuần, chọn lọc nâng cao, cải tiến năng suất, chất lượng giống vật nuôi bản địa có nguồn gen quý, hiếm làm nguyên liệu lai tạo với các giống cao sản phù hợp cho từng phương thức chăn nuôi và phân khúc thị trường bảo đảm có số lượng sản phẩm đủ lớn và đồng nhất về chất lượng đáp ứng cho tiêu dùng.

### **4. Nâng cao chất lượng, hạ giá thành thức ăn chăn nuôi**

- Khuyến khích đầu tư, xây dựng các cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi công nghiệp trên địa bàn, chế phẩm sinh học dùng thay thế kháng sinh, hóa chất sử dụng làm nguyên liệu thức ăn chăn nuôi và tận thu, nâng cao giá trị dinh dưỡng các nguồn phụ phẩm nông nghiệp, công nghiệp, như: men, bã bia, bã sắn, phụ phẩm từ các cơ sở giết mổ,...; khuyến khích các cơ sở chăn nuôi sử dụng thức ăn tự nghiền, phối trộn để giảm chi phí giá thành sản xuất.

- Chuyển đổi diện tích cây trồng kém hiệu quả sang trồng cỏ, trồng ngô sinh khối,... kết hợp với công nghệ chế biến thức ăn thô xanh hỗn hợp để phát triển chăn nuôi, vỗ béo trâu, bò, dê.

- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát chất lượng thức ăn chăn nuôi, nhất là các chỉ tiêu an toàn đối với thức ăn chăn nuôi, phát hiện và xử lý nghiêm theo pháp luật các trường hợp sản xuất, bổ sung chất cấm, chất kích thích sinh trưởng cấm dùng trong thức ăn chăn nuôi.

- Sử dụng thức ăn bổ sung vi sinh, nguồn thức ăn sạch, đảm bảo chất lượng cho gia súc, gia cầm để nâng cao chất lượng sản phẩm chăn nuôi, đồng thời giảm chất thải phát sinh.

## **5. Phát triển công nghiệp hỗ trợ ngành chăn nuôi**

- Khuyến khích phát triển công nghiệp cơ khí và công nghệ sinh học để cung cấp các thiết bị chuồng trại, giết mổ, chế biến, các loại hóa chất, chế phẩm sinh học thay thế nguồn nguyên liệu phải mua hoặc nhập khẩu.

- Khuyến khích phát triển công nghệ tiên tiến, hiện đại trong quản lý ngành và quản trị hoạt động kinh doanh chăn nuôi, nhất là các phần mềm tin học phù hợp với đặc thù của chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ và chăn nuôi nông hộ.

## **6. Đổi mới tổ chức sản xuất**

- Khuyến khích phát triển các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác đủ khả năng đầu tư chăn nuôi theo chuỗi giá trị và hỗ trợ, dẫn dắt người chăn nuôi đáp ứng nhu cầu thị trường; củng cố và phát triển mô hình hợp tác xã kiểu mới trong lĩnh vực chăn nuôi làm cầu nối giữa các nông hộ, trang trại với các doanh nghiệp lớn và thị trường.

- Tổ chức sản xuất các ngành hàng sản phẩm chăn nuôi theo hướng chuyên môn hóa, hiện đại và hiệu quả gắn với các chuỗi liên kết, trong đó phát huy vai trò chủ đạo của doanh nghiệp, hiệp hội và hợp tác xã.

- Tổ chức lại chăn nuôi nông hộ theo hướng hữu cơ, an toàn sinh học, dịch bệnh, môi trường phù hợp với quy mô, tiến tới lâu dài là giảm bớt hình thức chăn nuôi nông hộ. Thực hiện khai báo chăn nuôi ban đầu với UBND xã để kiểm soát tình hình dịch bệnh, nắm bắt tổng đàn, hướng dẫn người chăn nuôi phát triển.

## **7. Nâng cao năng lực phòng, chống dịch bệnh và bảo vệ môi trường.**

- Chủ động tổ chức và nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống dịch bệnh, đảm bảo an toàn dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm và các vật nuôi khác; tăng cường quản lý nhà nước về cơ sở chăn nuôi quy mô trang trại; quản lý công tác giống vật nuôi theo quy định; triển khai thực hiện quản lý cơ sở dữ liệu trong chăn nuôi; công tác khai báo ban đầu về chăn nuôi và xử lý vi phạm,...

- Áp dụng quy trình chăn nuôi an toàn sinh học, thực hành chăn nuôi tốt (VietGAHP). Đẩy mạnh tỷ lệ tiêm phòng bắt buộc và có biện pháp loại trừ các cá thể mang trùng đối với các bệnh nguy hiểm, tạo đàn gia súc, gia cầm sạch bệnh.

- Tăng cường kiểm soát môi trường và nâng cao hiệu quả xử lý chất thải chăn nuôi, đẩy mạnh ứng dụng các loại công nghệ xử lý chất thải chăn nuôi gắn với sản xuất phân bón hữu cơ, sản xuất năng lượng tái tạo và chăn nuôi côn trùng (như giun quế,...) có lợi cho sản xuất.

- Phối hợp với các xã giáp ranh trong công tác kiểm soát nguồn gia súc, gia cầm và các sản phẩm chế biến ra, vào địa bàn xã theo quy định. Kiểm tra chặt chẽ công tác phòng chống dịch bệnh, vệ sinh thú y tại các xã, thị trấn để hạn chế phát sinh và lây lan dịch bệnh.

## **8. Nâng cao năng lực giết mổ và chế biến, tiêu thụ sản phẩm**

- Tổ chức lại hệ thống giết mổ và chế biến gia súc, gia cầm theo hướng tập trung, công nghiệp gắn với vùng chăn nuôi hàng hóa, bảo đảm yêu cầu về vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường và đối xử nhân đạo với vật nuôi theo Kế hoạch số 77/KH-UBND ngày 30/12/2022 của UBND xã về Quản lý vận chuyển, giết mổ, kinh doanh thịt gia súc, gia cầm trên địa bàn huyện năm 2023.

- Cùng với các chính sách khuyến khích phát triển hoạt động giết mổ hiện nay, cần tăng cường các biện pháp quản lý đối với công tác giết mổ, nhất là các cơ sở giết mổ nhỏ lẻ, thủ công không bảo đảm vệ sinh thú y và an toàn thực phẩm

- Khuyến khích phát triển công nghiệp chế biến, chế biến sâu các sản phẩm chăn nuôi nhằm đa dạng hóa và nâng cao giá trị sản phẩm chăn nuôi phù hợp với nhu cầu của thị trường tiêu thụ.

### **9. Đào tạo, tập huấn**

- Dạy nghề cho người chăn nuôi, chủ cơ sở chăn nuôi thuộc diện phải di dời khỏi khu vực không được phép chăn nuôi theo quy định hoặc có nhu cầu chuyển đổi sang lĩnh vực sản xuất, kinh doanh khác thuận lợi hơn.

- Đào tạo cho người chăn nuôi kỹ năng quản trị, kỹ thuật chăn nuôi, quản lý dịch bệnh, môi trường và an toàn thực phẩm thông qua các chương trình tập huấn, dạy nghề, hoạt động khuyến nông.

### **10. Các chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển chăn nuôi**

- Nghị quyết số 172/2021/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về quy định khu vực không được phép chăn nuôi và quyết định vùng nuôi chim yến trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

- Nghị quyết số 185/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022-2025.

- Căn cứ các Chương trình, dự án và các cơ chế chính sách đã được ban hành để thực hiện.

## **IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

- Kinh phí thực hiện Kế hoạch từ nguồn ngân sách tỉnh, ngân sách huyện được phân bổ năm 2023 và kinh phí lồng ghép từ các chương trình, dự án khác.

- Kinh phí tự có của các tổ chức, cá nhân tham gia; huy động các nguồn lực.

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Ban Nông nghiệp xã**

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch; kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch tại các thôn.

- Tham mưu UBND xã rà soát, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch cho phù hợp với điều kiện thực tế; định kỳ tổng hợp báo cáo, đề xuất với UBND xã, Chủ tịch UBND xã các biện pháp cần thiết nhằm đảm bảo Kế hoạch được thực hiện hiệu quả và đồng bộ.

- Phối hợp với UBND Trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện tổ chức các lớp tập huấn, hướng dẫn người dân về quy trình kỹ thuật trong chăn nuôi, công tác phòng, chống dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm, chăn nuôi an toàn sinh học, an toàn thực phẩm,...; thực hiện xây dựng, nhân rộng các mô hình chăn nuôi bền vững, mô hình chăn nuôi liên kết, an toàn thực phẩm.

- Tham mưu, phối hợp các đơn vị liên quan thực hiện công tác kiểm soát giết mổ, kiểm soát vệ sinh thú y ở các cơ sở chăn nuôi, cơ sở giết mổ nhỏ lẻ. Đảm bảo triển khai đầy đủ đến người dân các biện pháp phòng ngừa không để lây lan dịch bệnh trên đàn vật nuôi.

### **2. Kế toán – ngân sách xã.**

- Hằng năm, cân đối nguồn ngân sách xã và đề xuất nguồn kinh phí thực hiện, tham mưu cho UBND xã bố trí kinh phí để thực hiện Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

### **3. Đối với địa chính xây dựng môi trường**

- Rà soát và đưa vào Quy hoạch, Kế hoạch sử dụng đất hàng năm, giai đoạn đối với quỹ đất dành cho chăn nuôi tại xã; hướng dẫn về thủ tục đất đai cho tổ chức, cá nhân thuê phát triển chăn nuôi, xây dựng cơ sở giết mổ, bảo quản, chế biến công nghiệp.

- Hướng dẫn công tác đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường và tăng cường công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực bảo vệ môi trường trong chăn nuôi. Hàng năm thực hiện tốt công tác kiểm tra, chấn chỉnh những phát sinh về môi trường của các cơ sở, trang trại có hoạt động liên quan đến chăn nuôi.

#### **4. Ban Văn hóa xã.**

- Phối hợp thông tin, tuyên truyền các chủ trương, cơ chế, chính sách, kế hoạch, định hướng phát triển sản xuất chăn nuôi của nhà nước đến các doanh nghiệp, Tổ hợp tác, Hợp tác xã, cơ sở chăn nuôi để nắm vững và tổ chức thực hiện có hiệu quả.

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về các mục tiêu, quan điểm, vai trò và tầm quan trọng của công tác phát triển chăn nuôi đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng.

#### **5. MTTQ huyện và các tổ chức đoàn thể**

- Tổ chức tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên, người chăn nuôi thực hiện tốt các chủ trương, cơ chế, chính sách, kế hoạch, định hướng phát triển sản xuất chăn nuôi của Nhà nước; từng bước làm thay đổi nhận thức và các thói quen không phù hợp trong chăn nuôi, giết mổ, chế biến và tiêu dùng sản phẩm chăn nuôi.

#### **6. Đối với các thôn**

- Xây dựng Kế hoạch phát triển chăn nuôi phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương, chịu trách nhiệm về chỉ tiêu kế hoạch giao phát triển chăn nuôi trên địa bàn năm 2023 theo Kế hoạch xã giao.

- Chủ động triển khai thông tin, tuyên truyền cho cán bộ, đảng viên, người dân trên địa bàn biết các cơ chế chính sách, hỗ trợ của Tỉnh, của Huyện về chăn nuôi, thú y để đạt được hiệu quả cao; tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư thực hiện dự án phát triển chăn nuôi và tăng cường thu hút vốn đầu tư xã hội cho phát triển chăn nuôi trên địa bàn.

- Căn cứ vào hiện trạng sản xuất và nhu cầu phát triển kinh tế, rà soát, đánh giá diện tích trồng cây kém hiệu quả, diện tích đất hoang hóa, diện tích khó khăn về nước tưới...để đề xuất chuyển đổi, quy hoạch sang phát triển chăn nuôi theo vùng, khu chăn nuôi tập trung, tạo điều kiện cho những chủ thể có khả năng, tiềm lực đầu tư phát triển theo hướng công nghệ cao.

#### **7. Tổ chức, cá nhân chăn nuôi trên địa bàn**

- Các tổ chức, cá nhân chăn nuôi phải thực hiện kê khai hoạt động chăn nuôi với UBND xã theo quy định.

- Tuân thủ và thực hiện các quy định về chăn nuôi theo quy định của Luật Chăn nuôi, Luật Thú y, Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật có liên quan; Nghị quyết số 172/2021/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của Hội đồng Nhân dân tỉnh và hướng dẫn của cơ quan chuyên môn. Hợp tác với cơ quan chức năng trong việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện hoạt động chăn nuôi theo quy định; Nghị quyết số 185/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh

Thanh Hóa về việc ban hành chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022-2025.

Trên đây là Kế hoạch phát triển chăn nuôi trên địa bàn xã Mậu Lâm, năm 2023. Yêu cầu các thành phần có liên quan tổ chức triển khai thực hiện tốt nội dung Kế hoạch./.

***Nơi nhận:***

- TT ĐU, HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT xã;
- Các đoàn thể;
- Thành viên BCD xã;
- Đài TT;
- 13 thôn;
- Lưu: VP.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Đình Xuân Dương**

**Phụ lục: CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH GIAO PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI XÃ  
MẬU LÂM NĂM 2023**

<b>TT</b>	<b>THÔN</b>	<b>Đàn trâu (con)</b>	<b>Đàn bò (con)</b>	<b>Đàn lợn (con)</b>	<b>Đàn gia cầm (con)</b>
1	Yên Thọ	37	7	300	2.000
2	Đông Yên	15		150	1.000
3	Hợp Tiến	33	9	100	1.500
4	Bái Gạo 1	66	9	50	1.500
5	Bái Gạo 2	30	15	200	700
6	Đông Nghiêm	33	20	40	2.000
7	Đông Bóp	50	30	80	1.500
8	Rộc Môn	50	20	80	1.400
9	Cầu Hồ	61	70	200	900
10	Đông Xuân	20	50	60	1.000
11	Đông Tiến	80	100	240	2.000
12	Tâm Tiến	100	100	200	2.000
13	Đông Mọc	25	20	300	2.500
	<b>Tổng</b>	<b>600</b>	<b>450</b>	<b>2.000</b>	<b>20.000</b>